

VAI TRÒ CỦA VUA ĐỒNG KHÁNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TỨ PHỦ Ở HUẾ

Tóm tắt: Để có được diện mạo như ngày nay, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử, gắn liền với nhiều giai thoại và những con người có niềm tin với Thánh Mẫu. Từ khi được vua Đồng Khánh công nhận qua việc phong tặng sắc thần chư thần linh tại điện Huệ Nam, đồng thời có sự ủng hộ tích cực của tầng lớp quý tộc, quan lại, tín ngưỡng dân gian này đã mang một sắc thái mới. Từ triều vua Đồng Khánh trở về sau, việc thờ Mẫu ở điện Huệ Nam đã mất đi tính thuần khiết dân gian nguyên thủy mà trở thành nghi lễ của triều đình. Trong tiến trình phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế, vua Đồng Khánh có vai trò rất lớn, tạo tiền đề cho Huế trở thành trung tâm thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam.

Từ khóa: Vua Đồng Khánh; thờ Mẫu; điện Huệ Nam; Huế.

Dẫn nhập

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Thừa Thiên-Huế là một hiện tượng văn hóa tín ngưỡng tâm linh độc đáo trong hệ thống tín ngưỡng dân gian đa thần của người Việt. Đây là một tín ngưỡng có sự kế thừa cội nguồn từ miền Bắc và sự dung hợp văn hóa của vùng đất cổ đô, hay nói cách khác là đã có sự chuyển đổi từ yếu tố “dân gian” để “cung đình hóa” tín ngưỡng này. Trong tiến trình hình thành và phát triển của mình, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế đã có một cuộc “lột xác” đầy ngoạn mục khi có sự tham gia của triều Nguyễn, mà cụ thể là từ năm 1885 với sự kiện vua Đồng Khánh lên ngôi và tôn

* Trường THCS Phú Hồ, Phú Vang, Thừa Thiên-Huế.

Ngày nhận bài: 06/8/2019; Ngày biên tập: 13/8/2019; Duyệt đăng: 23/9/2019.

tạo, đổi tên đền Ngọc Trản thành điện Huệ Nam. Để hiểu rõ hơn về tiến trình phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế, trong khuôn khổ bài viết này, tác giả trình bày về sự phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu dưới thời vua Đồng Khánh. Qua đó, làm rõ những nhận thức mới về vai trò của vua Đồng Khánh đối với sự phát triển tín ngưỡng dân gian này tại vùng đất Huế.

1. Vua Đồng Khánh đã trùng tu, tôn tạo, đổi tên đền Ngọc Trản thành điện Huệ Nam

Vua Đồng Khánh, tên húy là Nguyễn Phúc Ứng Biện, tức là Hoàng tử Chánh Mông, là vị vua thứ 9 của nhà Nguyễn. Ông là con trưởng của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai và bà Bùi Thị Thanh, sinh ngày 12 tháng Giêng năm Giáp Tý (19/12/1864), và là anh khác mẹ với vua Kiến Phúc và vua Hàm Nghi. Năm 1865 lúc được 2 tuổi, Hoàng tử Chánh Mông được vua Tự Đức nhận làm con nuôi và được nuôi dưỡng trong Đại nội.



Tranh vẽ vua Đồng Khánh¹

Trước sự kiện Nguyễn Phúc Ứng Lịch được lên ngôi vua vào năm 1884, đặt niên hiệu là Hàm Nghi, Nguyễn Phúc Ứng Biện rất lo lắng về việc mình không được nối ngôi. Ông đã nhờ mẹ của

mình lên đền Ngọc Trấn cầu đảo, xin cho mình được lên làm vua và được Thánh Mẫu Thiên Y A Na báo sẽ được lên ngôi vua. Quả đúng như lời “phán truyền” của Mẫu, Nguyễn Phúc Ứng Biện đã được kế nhiệm ngai vàng sau sự kiện vua Hàm Nghi cùng phái chủ chiến tấn công Kinh Thành Huế. Sau binh biến năm 1885, vua Hàm Nghi rời bỏ ngai vàng, lập căn cứ kháng thực dân Pháp ở Tân Sở (Quảng Trị), triều đình Huế thương lượng với Pháp đưa Nguyễn Phúc Ứng Biện lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Đồng Khánh có nghĩa là “cùng chung niềm vui”.

Có thể nói, ngôi vị vua Đồng Khánh chỉ là bù nhìn, vì mọi quyền hành đều nằm trong tay Khâm sứ và Toàn quyền người Pháp. Sự bế tắc về quyền lãnh đạo đất nước đã khiến cho nhà vua và quan lại đặt niềm tin vào Tiên Thánh, vào thế lực siêu nhiên để mong “bình an” trong thời thế lúc bấy giờ. Đây là sự biểu hiện về một tâm thế đầy bi kịch gần như bất lực trước thời cuộc bởi sự can thiệp ngày càng lộ rõ của thực dân Pháp. Sự bế tắc và cam chịu đã tạo nên cho vua Đồng Khánh một thái độ sùng bái Mẫu như Nguyễn Hữu Thông và nhóm biên soạn cuốn *Hải Cát - Đất và người* nhận xét: “... trước những bi kịch của triều đình, nhà vua gần như đã gửi gắm linh hồn của mình cho Mẫu - một thái độ nguy tín để tìm sự bình an cho chính mình”². Bởi vậy, sau khi lên ngôi vua năm 1886, vua Đồng Khánh liền cho xây dựng lại đền Ngọc Trấn một cách khang trang, đưa nhiều đồ tự khí vào thờ tại đền và đổi tên đền thành Huệ Nam Điện để tỏ lòng biết ơn Thánh Mẫu (Huệ Nam có nghĩa là *ban ân huệ cho nước Nam, vua nước Nam*). Về sự kiện này, trong *Đại Nam Thực Lục* có ghi: “Đổi đền Ngọc Trấn làm điện Huệ Nam. Vua khi còn ấu nẩu, thường chơi xem ở núi ấy, mỗi khi đến đền cầu khẩn, phần nhiều có ứng nghiệm. Đến nay, vua phê bảo rằng: Đền Ngọc Trấn thực là núi tiên nữ linh sơn sáng đẹp muôn đời, trông rõ là hình thể như con sư tử uống nước sông, quả là nơi chân cảnh thần tiên. Đền ấy thờ được linh khí đặc nhất, cứu người độ đời, giáng cho phúc lộc hằng muôn, giúp dân giữ nước. Vậy cho đổi đền ấy làm điện Huệ Nam, để thể hiện ơn nước một phần trong muôn phần. Rồi chuẩn cho Bộ Công

ché làm biển ngạch treo lên đền (4 bề chạm rồng, giữa khắc chữ to: Huệ Nam Điện, bên trên khắc chữ ngự chế, bên dưới khắc niên hiệu”³. Tuy nhiên, bức hoành tại điện Huệ Nam hiện nay được chạm lõng theo mô típ “lưỡng long triều nguyệt” được sơn son thếp vàng và treo dưới thời vua Khải Định sau khi trùng tu điện vào năm 1925. “Việc chú ý kiến thiết và sự thừa nhận tại những thời điểm lịch sử nhất định của triều đình Nguyễn càng làm cho những lời truyền tụng về sự linh thiêng của Ngọc Trần Sơn Từ với hình ảnh của vị nữ thần đầy quyền năng ngày càng lan xa”⁴.

Ngoài ra, Vua còn gia phong thần hiệu cho Đức Thiên Y A Na và chư thần thờ tự tại Huệ Nam Điện sau một lần cầu mưa⁵. “Từ trước đến nay ít mưa, đã sai quan phủ tỏ lòng thành cầu khẩn, nhiều nơi không ứng, đến khi ngẫu nhiên tàu xin chuẩn cho lễ đảo ở điện Huệ Nam, hết buổi sớm, may nhờ thần linh ứng, thực là rất cảm. Nhà nước đương lúc vận hội khó khăn tất âm dương giúp đỡ mới có thể được việc nhanh chóng, nhưng điện ấy (Huệ Nam Điện), từ trước chiếu lệ, thẳng trật, cũng giống như bách thần, cho nên giữ nước, giúp dân, chưa được hiển ứng. Về ba vị thờ ở trên và sáu vị ở dưới về bên hữu, trăm muôn tôn phong huy hiệu để mong sự linh ứng sau này”⁶.

Ba vị ở trên là:

1) Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Bảo Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Ngọc Trần Thiên Y A Na Diễn Vương Phi Dực Bảo Trung Hưng Thượng đẳng thần⁷ (Thánh Mẫu Thượng Thiên hay Thiên Tiên, thờ ở án giữa chính điện).

2) Trứ Linh Chương Ứng Mục Uyên Hoàng Bác Uông Nhuận Thủy Long Thánh Phi Dực Bảo Trung Hưng Trung đẳng thần (Thánh Mẫu Thoải, tức là Thủy Cung Công Chúa, thờ bên tả Thánh Mẫu Thiên Y A Na).

3) Diệu Phu Quảng Độ Linh Chương Ý Nhã Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi Dực Bảo Trung Hưng Trung đẳng thần (Mẫu Thượng Ngàn, thờ bên hữu Thánh Mẫu Thiên Y A Na).

Sáu vị ở dưới chính là: Lục Phủ (Vị) Tôn Ông. Ngoài ra, thờ thêm Quan Thánh Đế Quân (tức là Quan Vân Trường, hay Quan Công) ở bên tả chính điện.

Thêm vào đó, vua Đồng Khánh đưa cuộc tế lễ hàng năm tại Huệ Nam Điện vào hàng quốc lễ của triều đình và tự nhận mình là “đệ tử” của Thánh Mẫu. Điều này được thể hiện qua bức ảnh thờ “Âm Dương Huynh đệ thất thành nghĩa hội”. Trong bức ảnh thờ này, vua Đồng Khánh mặc áo vàng, tay cầm bông sen. Bảy vị đó là:

1) Tiên Cung Thông Minh Thượng Tướng Quân Dực Bảo Trung Hưng⁸ tôn thần.

2) Tiên Cung Linh Minh Đại Tướng Quân Dực Bảo Trung Hưng tôn thần.

3) Thủy Tinh Lực Dũng Tướng Quân Dực Bảo Trung Hưng tôn thần.

4) Thủy Tinh Uy Dũng Tướng Quân Dực Bảo Trung Hưng tôn thần.

5) Sơn Tinh Quả Dũng Tướng Quân Dực Bảo Trung Hưng tôn thần.

6) Sơn Tinh Vũ Dũng Tướng Quân Dực Bảo Trung Hưng tôn thần⁹.

7) Đệ Thất Bảo Hà Đào Nguyên Tướng Quân Trung Hưng tôn thần.

Sau này, trong hệ thống thần linh của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế thì luôn có bảy vị này với tên gọi là “Hội Đồng Thất Thánh”, tức là Lục Phủ (Vị) Tôn Ông và vua Đồng Khánh.



Tranh thờ Âm dương huynh đệ Thất thánh nghĩa hội tại điện Hòn Chén (tức điện Huệ Nam)¹⁰

Về nội dung bức ảnh thờ này, trong lời tựa Nghĩa Hội, vua Đồng Khánh ngự bút rằng: “Vào năm Nhâm Ngọ (1885), Trẫm bị bệnh, nằm mộng thấy có sáu nam nhi đến và cùng xưng là ở đền Ngọc Trản. Từ xưa, đền Ngọc Trản là cung quán mà Trẫm rất kính mến. Điều trước tiên là Trẫm muốn được lành bệnh, sau đó hưởng cái phúc thọ để cùng góp sức với các vị thánh huynh. Cho nên vào năm Ất Dậu khi ta lên ngôi, đã chuẩn cho đặt cung điện của các vị thánh huynh lên Tiền Thượng, thờ một cách kính trọng cùng với Thánh Tổ Mẫu Thiên Y A Na - người con thứ nhất của Trời, rồi ban cho bia Ngọc, tôn vị là Thông Thiên Quận Chúa Minh Thượng Tướng Quân Thủy Công, là trưởng huynh của Trẫm; thờ vị thần có danh là Mẫu Thượng Tôn - người con thứ hai của Trời, được ban bia Ngọc và tôn vị là Linh Sơn Công Thông Đại Tướng Quân quý huynh. Phía bên phải là Nhị vị Tôn Ông và phía sau bàn thờ này là Ngũ vị Thánh Bà (năm vị thần nữ: Kim, Mộc, Thổ, Thủy, Hỏa). Thánh Mẫu được thờ ở giữa có hai huynh rất cung kính là đệ ngũ Quả Dũng Tướng Quân, đệ lục là Vũ Dũng Tướng Quân. Kính thờ Thủy Cung Thánh Mẫu là hai vị huynh: Đệ Tứ Uy Dũng Tướng Quân, Đệ Tam Lục Nam Tướng Quân. Đồng thời sự kết tình của sáu vị Thánh cùng Trẫm thành bảy huynh đệ (Thánh và Thần) để truyền một điều duy nhất là giúp đỡ những sự gian nan của hai thế giới (Thần Thánh + người sống [vua]) cùng đồng nhất một lòng trong chữ hiếu. Bởi vậy, khi mà Trẫm lại nằm mộng lần thứ ba nên bảo kẻ dưới theo cảm nhận riêng của Trẫm, cho vẽ một bức tranh vào tám gương gồm sáu vị huynh quây quần quanh Thiên tử và khuyên đem treo bên hữu linh quan để chiếu cho muôn đời, giúp đời sau hiểu về nguồn gốc, tình cảm vô bờ của Thần Thánh. Cho nên trong lúc nguyện, ta mong cho đất nước thái bình vạn tuế (Đồng Khánh nguyên niên (1886) ngày mùng 1 tháng Giêng)”¹¹. Có thể nói, sáu vị Tôn ông trên mà người Huế sau này hay gọi một cách cung kính là “Lục phủ/vị Tôn ông” được bắt nguồn từ thời điểm này. Đây là một khái niệm có điểm khác biệt so với ngoài miền Bắc vì cho rằng trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ chỉ có Ngũ vị

Tôn Quan, bao gồm: Quan Đệ Nhất Thượng Thiên, Quan Đệ Nhị Giám Sát Thượng Ngàn, Quan Lớn Đệ Tam Thủy Phủ, Quan Lớn Đệ Tứ Khâm Sai và Quan Đệ Ngũ Tuần Tranh.

Như vậy, việc tôn tạo, xây dựng và đổi tên đền Ngọc Trản thành Huệ Nam Điện đã thể hiện lòng biết ơn của nhà vua đối với Thánh Mẫu Thiên Y A Na và chư thần tại điện Huệ Nam. Việc đổi tên này bắt nguồn từ sự linh ứng của ngôi điện này đối với những lời cầu nguyện của vua Đồng Khánh trước khi lên ngôi vua, làm cho công trình này thay đổi về tính chất và quy mô. Đây có thể nói là một đóng góp rất lớn đối với sự phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu sau này, đặc biệt là giai đoạn hiện nay. Vì điện Huệ Nam được xem là Tổ Đình lớn và đứng thứ nhất trong hệ thống điện thờ Mẫu tại Huế. Đây thường diễn ra những buổi tế lễ quan trọng trong những ngày khánh tiết quan trọng của tín đồ đạo Mẫu. Nếu không có sự góp sức của vua Đồng Khánh, thiết nghĩ đây cũng chỉ là một ngôi đền nhỏ và bình thường như bao ngôi đền khác và càng không có vị trí quan trọng trong nghi lễ rước Mẫu từ Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo¹² lên điện Huệ Nam và lên làng Hải Cát¹³ như sau này. Có thể nói, “do những điều kiện lịch sử chi phối, đặc biệt dưới triều vua Đồng Khánh (1885-1888) là lúc tín ngưỡng thờ Mẫu đạt đến đỉnh cực thịnh, điện Huệ Nam trở thành trung tâm thờ Mẫu được chính quyền phong kiến thừa nhận và nhân dân thường xuyên lễ bái. Từ đó, lễ vía Mẫu được vua Đồng Khánh xem như quốc lễ và điện Huệ Nam đã trở thành trung tâm hành hương của tín đồ thờ Mẫu”¹⁴.

2. Vua Đồng Khánh - Người đặt nền tảng cho những kỳ cúng tế trong Lễ hội điện Huệ Nam ngày nay

Người Huế có câu: “Tháng Bảy giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ”. Câu nói của dân gian người Huế, vừa phản ánh tâm thức hướng về cội nguồn, vừa là một thực hành nghi lễ hàng năm của tín đồ đạo Mẫu từ bao đời nay. Đúng là tháng 3 giỗ Mẹ, nhưng tháng 7 giỗ Cha là chưa chính xác, mà giỗ đúng là tháng 8. Vậy tại sao, ở Huế lại diễn ra lễ vía tháng vào tháng 7 mà không phải tháng 8 như ở

miền Bắc. Giải thích vấn đề này phải căn cứ vào lệnh của vua Đồng Khánh đã ban đối với việc cúng tế tại điện Huệ Nam. Theo lệnh triều đình, mỗi năm có hai kỳ tế quan trọng được tổ chức tại điện Huệ Nam, được gọi “Xuân Thu nhị kỳ” vào tháng 2 và tháng 7. Đây là khoảng thời gian mà trời đất giao hòa, vũ trụ đạt đến trạng thái thịnh và đưa những kỳ tế này xếp vào hàng đại tự của quốc gia. “Lễ chính của Triều đình là vào tháng Hai âm lịch; còn các cuộc lễ bái, rước sắc thì được các am, điện và làng Hải Cát tổ chức rất long trọng vào tháng Bảy hoặc tháng Tám, tùy theo thánh ý của Mẫu ban xuống trong lễ xin keo vào đầu tháng Bảy”¹⁵. Tuy nhiên, tháng 8 là thời gian của mùa lũ, nước dâng cao, nên sau này phải chuyển sang tháng 7 để thuận tiện cho việc tổ chức lễ hội và đó cũng là thời gian làng Hải Cát thu tế để cầu an, nên đã có sự kết hợp tại đây. Mặc dù gọi là giỗ cha, nhưng thực tế lại không đúng với tên gọi, bởi lẽ, trong lòng của cư dân nơi đây, chỉ tồn tại hình ảnh của Mẫu Thiên Y A Na - một người đang mang lại sự ấm no, hạnh phúc cho người dân. Do đó, lễ hội còn được gọi với tên gọi khác là vía Mẹ.

Sau này, thời điểm tổ chức tế đã có sự thay đổi, Hội Thiên Tiên Thánh giáo (tiền thân là Hội Sơn Nam)¹⁶ đã tổ chức lễ vía vào tháng 3 và tháng 7 âm lịch tại điện Huệ Nam. Tháng 3 được xác định là thời khắc vũ trụ đạt tới đỉnh điểm của dương thịnh, thì giỗ Mẹ là biểu tượng của âm, khiến âm dương tương khắc tương sinh. Mặt khác, tháng Ba cũng là ngày giỗ của Đức Vân Hương Thánh Mẫu, nên tín đồ đã đồng nhất ngày khánh tiệc của Mẫu. Còn chính xác ngày khánh tiệc của Mẫu Thiên Y A Na là 17 tháng 4 âm lịch, là ngày Thánh Mẫu Thiên Y A Na giáng thế tại điện Huệ Nam. Còn tháng 7 là kỳ tế thứ hai tại điện Huệ Nam và sau đó rước Mẫu về tuần du tại đình làng Hải Cát, từ đó, tạo nên một sắc màu mới trong lễ hội điện Huệ Nam.

Lễ hội điện Huệ Nam khởi thủy chỉ diễn ra trong phạm vi của làng Hải Cát, đơn thuần là lễ hội giữa con dân làng Hải Cát với Thành hoàng làng. Vị Thành hoàng của làng Hải Cát chính là Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Tại sao người dân nơi đây lại tôn vinh một vị nữ thần làm

Thành hoàng làng của mình? Điều này được lý giải rằng, khi thành lập và do tính chất linh hiển của vị nữ thần trong vùng cư trú qua di tích đền Ngọc Trản, cho nên, Bà đã được cư dân Hải Cát tôn vinh là Mẹ đỡ đầu, thần bảo trợ, thành vị thành hoàng của làng và của cộng đồng dân cư nơi đây. Như vậy, cùng với quá trình thờ phụng vị nữ thần ở điện Huệ Nam, cho dù là tự phát hay do sự chỉ định của triều đình, người Hải Cát đã tôn vinh vị nữ thần làm người Mẹ đỡ đầu hay người Mẹ lớn - thành vị thành hoàng của làng mình để cầu mong sự bao bọc cho cuộc sống dân cư được an cư lạc nghiệp. Từ đấy, mọi người làng Hải Cát khi có sự cố hay gặp sự bất trắc trong cuộc sống thường nhật đều đến Mẫu để cầu xin sự che chở hay sự dạy bảo. Cũng chính vì thế, đình làng Hải Cát hiện nay là nơi phụng thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na với tư cách là Thành hoàng. Mặt khác, sau khi được “các vua Nguyễn cho sửa sang và giao cho bộ phận cư dân sống liền kề cai quản, ngôi đền bấy giờ lại càng có điều kiện gắn kết chặt chẽ với người dân làng trong mọi mặt biểu hiện đời sống”¹⁷. Các vị thủ từ của điện Huệ Nam đều là con dân làng Hải Cát và do đó, điện Huệ Nam trở thành cơ sở tâm linh, có mối quan hệ gắn bó với những thiết chế văn hóa khác của làng. Việc thờ phụng Thánh Mẫu Thiên Y A Na ở đình làng Hải Cát cũng trở thành một phong tục khá đặc thù, thể hiện sự ngưỡng vọng của người dân đến vị nữ thần linh hiển, thông qua nghi lễ cung nghinh Thánh Mẫu từ điện Huệ Nam về ngự ở làng Hải Cát mà người dân gọi một cách trang trọng là *Mẫu tuần du làng Hải Cát*. Đây chính là một trong những nghi lễ chính trong lễ hội điện Huệ Nam ngày nay. Vào những ngày tổ chức lễ hội, mọi người dân trong làng Hải Cát đều khăn áo chỉnh tề, hoặc trong những lễ phục trang nghiêm của những giá đồng, tất cả đều tề tựu trước sân đình để đón Mẹ trong sự rộn ràng của tiếng nhạc châu văn và không khí linh thiêng của tâm linh.

Bên cạnh việc thừa nhận Thánh Mẫu Thiên Y A Na là Thành hoàng của cư dân làng Hải Cát, cấu trúc đình làng còn là một dạng am điện thờ Mẫu. Gian chính của đình làng ở tầng trên là thờ Tam vị Thánh Mẫu, phía trước có treo bức hoành phi khắc bốn chữ: *Mẫu*

Nghi Thiên Hạ, gian bên là bàn thờ Thất Thánh và ban thờ Quan Thánh Đế Quân. Ở tiền điện thì thờ Vua cha Ngọc Hoàng Thượng Đế và Hội đồng Tứ phủ và trước sân đình có Trung Thiên Đài và Dinh Thủy Phủ quay mặt vào chính điện. Bên tả có bàn thờ Ngũ vị Thánh Bà và động Thượng Ngàn, Miếu Cậu, Miếu Cô. Theo lối kiến trúc và cách bài trí thờ tự, có thể khẳng định đây là am điện thờ Mẫu và Tam vị Thánh Mẫu nghiêm nhiên là những vị thần đỡ đầu của làng Hải Cát.

Lễ hội truyền thống điện Huệ Nam được tổ chức trong ba ngày của thượng tuần tháng 7 âm lịch, tức là mùng 8, 9 và mùng 10. Ngày đầu tiên là thời gian tập kết các băng án¹⁸ từ các am điện để làm lễ cung nghinh thánh Mẫu từ Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo xuống các thuyền để bắt đầu lễ hội. Trên mỗi chiếc băng án có bàn thờ Thánh Mẫu cùng với long kiệu. “Long kiệu của Thánh Mẫu là kiệu thêu, do các trinh nữ ăn mặc sắc sỡ khiêng, còn các bà, người mang bình hương, ống trầu, bình trà, hòm đựng đồ trang sức, kẻ mang cờ, biển, tàn, lọng, gỏi, quạt,... Các thanh niên thì vác đồ lễ bộ, bát bửu và các tự khí khác. Đám rước đầy màu sắc rực rỡ, không khí trang nghiêm”¹⁹. Sau đó, các thuyền sẽ nghinh Mẫu lên điện Huệ Nam để tiến hành các nghi thức cúng tế và nghi thức hầu thánh (hầu đồng). Đến ngày thứ hai, ban điều hành lễ hội sẽ nghinh Mẫu từ điện Huệ Nam tuần du làng Hải Cát trong vai trò là Thành hoàng của làng. Thánh Mẫu được rước trên những chiếc băng án đã được trang trí rất đẹp. Các vị bô lão, chức sắc của làng sẽ đứng ở bến thuyền để đón đoàn cung nghinh Mẫu ở điện với một đoàn đạo ngự có đầy đủ các Thánh Bà, Tôn Ông, Thánh Cậu, Thánh Cô,... Tại bến làng Hải Cát, trong không khí thiêng liêng và rộn ràng của phường bát âm của các cung văn, khách hành hương cùng thánh môn bốn đạo sẽ cùng đoàn rước tiến đến sân đình. Sau nghi lễ này, các đoàn đạo ngự đậu trước bến đình, các giá đồng Tôn Ông, Thánh Bà, các Cậu, các Cô lại đón tiếp Mẫu bằng nghi lễ lên đồng trong suốt đêm ấy và đến sáng hôm sau, tại làng Hải Cát sẽ tiến hành phần tế để cầu quốc thái dân an và mọi điều tốt lành từ Thánh Mẫu.

Ngày thứ ba sẽ thực hiện nghi lễ Mẫu hồi loan về tại Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo tại 352 đường Chi lăng, thành phố Huế. Trong suốt những ngày diễn ra lễ hội, các bằng án sẽ cúng tế tại thuyền. Các đội cung văn và các thanh đồng sẽ lần lượt rước các giá hay nhập đồng. Trong một trục không gian được định hình bởi bốn phủ: Thượng Thiên, Trung Thiên, Thượng Ngàn và Thoải Phủ, nơi nào cũng có đại diện các giá đồng để chúc mừng Mẫu. Tiếng réo rắt của cung văn và sự giáng nhập các thánh đã tạo nên một không khí trang nghiêm, thiêng liêng và gắn gũi giữa con người với các thánh trong dịp thu tế.

3. Sự thành tâm với Thánh Mẫu đã tạo “hiệu ứng Domino” từ hoàng tộc đến bình dân

Bức ảnh vua Đồng Khánh được thờ tại điện Ngưng Hy ở lăng vua Đồng Khánh có dòng văn đề như sau: “Dư nãi thanh dương chi nhân, Long cung thứ tử, Thượng nguyên thời phụng mệnh, thân thủy ngọc lộ, thủ chính kim quan, đầu vu Kiên Thái Vương Bùi quý phi sinh hạ”. Dịch nghĩa là: “Ta vốn là người cõi Tiên, là con thứ của Long cung, ngày Thượng nguyên đã kính vâng mệnh, thân ngồi xe ngọc, đầu đội mũ vàng, đầu thai vào Bùi quý phi của Kiên Thái Vương để sinh ra đời”²⁰. Không phải đến thời vua Đồng Khánh mới công nhận sự linh hiển và bảo trợ của Đức Thiên Y Thánh Mẫu, mà từ rất sớm các bậc vua chúa nhà Nguyễn đã tin tưởng vai trò của Mẫu. Người đầu tiên nhận được sự bảo trợ của Mẫu là Chúa Tiên Nguyễn Hoàng trong bước đầu khai phá vùng đất Đàng Trong. Với chủ đích lập nên một giang sơn riêng ở vùng đất “Ô châu ác địa”, chúa Nguyễn Hoàng thực hiện một cách thận trọng, chủ động, trong quá trình hành xử với chính quyền Lê - Trịnh. Phương thức mà Nguyễn Hoàng áp dụng trong chính sách an dân của mình là dùng sức mạnh tâm linh từ thần linh bản địa để “thể hiện sự ủng hộ và tán thành của thần linh bản địa, đối với thiên chức lãnh tụ của Nguyễn Hoàng”²¹ và sau khi mất, ông được nhân dân suy tôn là Hoàng Đồi đứng trong hàng Thập Vị Quan Hoàng trong tín ngưỡng thờ Mẫu Việt Nam. Vị thần linh liên quan đến “mệnh Trời” đã được

Nguyễn Hoàng nhắc đến không ai khác chính là Thánh Mẫu Thiên Y A Na qua huyền thoại “Bà Mụ áo đỏ quần xanh”. Sau đó, đến thời các vua Nguyễn, như: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức và các triều vua sau thời vua Đồng Khánh đều trùng tu và ban sắc phong thần cho Mẫu Thiên Y A Na.

Người dân Huế hiện nay vẫn còn rất nhiều người truyền tụng về sự linh ứng của Mẫu Thiên Y A Na xung quanh ngôi điện Hòn Chén. Những câu chuyện kể dân gian ở một khía cạnh nào đó đã được điển chế hóa trong quốc sử triều Nguyễn như sau: Năm Gia Long thứ 5 (1806), “Ba xã Định Môn, Kim Ngọc, Cư Chính ở ven núi hay bị hồ nạn. Sai cầu đảo thần núi Ngọc Trản....; dân nhờ đây được yên”²². Vua Minh Mạng hai lần ra lệnh sửa đền Ngọc Trản vào năm 1832 và 1834. Sau triều Minh Mạng, bằng sự linh ứng của mình, vị thần ở đây phần nào đã có sự tác động đến vua Thiệu Trị thông qua sự kiện “chiếc ống nhỏ bằng vàng”. Sự kiện này như sau: “Một lần vua Thiệu Trị cùng các bà phi ngược dòng Hương đến làng Cư Chánh, xem việc xây lăng cho mình. Khi ngang qua điện Hòn Chén, một trong những bà phi đã đánh rơi chiếc ống nhỏ bằng vàng đúng ngay vào chỗ vực nước sâu. Các bà phi tiếc chiếc ống nhỏ, khuyên nhà vua kêu khẩn Thiên Y A Na. Nhà vua mặc dù không tin ở sự linh thiêng của Mẫu, nhưng cũng đứng trên thuyền khẩn vái một cách mĩa mai, bỗng nhiên chiếc ống nhỏ từ từ nổi lên mặt nước. Trước sự linh ứng đó, nhà vua hứa sẽ cho sửa sang lại ngôi đền, nhưng ngài đã băng hà trước khi lời hứa đó được thực hiện”²³. Chính sự linh ứng ngày càng được lưu truyền như vậy, đã thu hút sự quan tâm của triều đình nhà Nguyễn và đặc biệt vua Đồng Khánh “rất lo sợ khi nghĩ đến lời của thần báo cho biết mình làm vua chỉ được 3 năm”²⁴.

Vua Đồng Khánh, khi còn hoàng tử thường lên đền Ngọc Trản để lễ bái, cầu xin Thánh Mẫu để được nối nghiệp nhà Nguyễn và hỏi Mẫu đến bao giờ thì mình được toại nguyện. Theo dân gian thì Mẫu đã tiên đoán đúng ngày đăng quang và cho biết vua trị vì chỉ được 3 năm mà thôi. Những bức hoành, bức liễn, những bài thơ

treo trong đền thờ, một phần do vua Đồng Khánh sáng tác để ca tụng công đức của Nữ thần, biểu dương ân huệ của Nữ thần đã che chở cho ngai vàng của mình và dân chúng và hẳn nhiên tên Huệ Nam Điện do ông đặt cũng phát sinh từ ý đồ này. Do đó, người có vai trò lớn hơn cả đối với vị thế của đền Ngọc Trản và Thánh Mẫu Thiên Y A Na thì không có ai ngoài vua Đồng Khánh. Chính Đồng Khánh là người “quảng bá” hình ảnh điện Huệ Nam và Đức Thiên Y A Na trước niềm tin tâm linh của những người khác. Hay nói cách khác, vua Đồng Khánh đã tạo hiệu ứng lay truyền quân cờ Domino tâm linh đến niềm tin của những người trong hoàng tộc lẫn tầng lớp bình dân. Từ “hoàng thân quốc thích, Hoàng Thái Hậu, Hoàng Hậu; dưới là các cung tần mỹ nữ trong tam cung lục viện; các bà mệnh phụ vợ của các quan đại thần; ra cho đến bàn dân thiên hạ xứ Huế, đã lập am, miếu, điện, cảnh; lên điện Huệ Nam để rước bát hương của Mẫu về thờ, và gia nhập làm “tôi con của Mẫu”²⁵. Nói cách khác, tín ngưỡng thờ Mẫu trong giai đoạn này đã được chính thống hóa, tạo một động lực mới, thu hút sự tham gia ngày càng đông đảo của nhiều tầng lớp trong xã hội.

Giới phụ nữ trong hoàng tộc lẫn giới thượng lưu quý tộc ở Huế vào thời kỳ này vừa đi chùa vừa theo tín ngưỡng thờ Mẫu, điển hình là Phước Thọ Am (Khương Ninh Các) được xây dựng dưới thời vua Minh Mạng năm thứ 11 (1830), ban đầu chỉ thờ Phật, đến thời vua Đồng Khánh đã đưa thêm thần vị Thiên Y A Na và hai bên tả hữu các thánh thuộc hàng đồ đệ của Mẫu vào thờ. Ở ngoài dân gian, các “quý bà” đã xây dựng điện thờ Mẫu cạnh các chùa thờ Phật, chẳng hạn như bà Lê Thị Phẩm, Thục nhân dưới triều vua Đồng Khánh đã xây dựng thêm “Tiên Nữ Cung” sau chùa Kim Quang để thờ Mẫu. Sau chùa Viên Thông vào năm Bảo Đại thứ 7 (1932), Đoàn Huy Hoàng Thái Hậu (bà Từ Cung) đã thỉnh tượng Mẫu vào thờ và gọi tên là Linh Tiêu Điện, hay tại chùa Quy Thiện có vợ chồng ông Thái Văn Toàn xây dựng điện thờ Mẫu gọi là Huệ Ứng Điện, v.v...

Sau khi triều Nguyễn chấm dứt vào năm 1945, mọi việc cúng tế tại điện Huệ Nam và các điện thờ khác do bà Từ Cung (vợ vua

Khải Định) chủ trì dưới danh nghĩa là Hội chủ Hội Quý Tế điện Huệ Nam. Trong thời gian này, thêm một sự giao thoa tín ngưỡng xảy ra. Đó là bà Từ Cung đã đưa thần vị *Vân Hương Thánh Mẫu*, tức Liễu Hạnh Công chúa, vào phối thờ ở điện Huệ Nam. Đây chính là sự hòa hợp giữa hai vị Thánh Mẫu cùng hội tụ tại một điện thờ, tạo nên sắc diện mới trong hệ thần linh tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế, đó là từ Tam Vương Mẫu (Tam Tòa Thánh Mẫu) ở miền Bắc đã chuyển thành Tứ Vương Mẫu ở Huế. Sau đó, tín ngưỡng thờ Mẫu được tín đồ duy trì và phát triển dưới một tổ chức đoàn thể, được gọi là Thiên Tiên Thánh giáo và tồn tại cho đến ngày nay. Có những năm, những người Hội trưởng là người thuộc dòng dõi quý tộc, quan lại, như ông Bửu Bành (là ông Hương Khanh, một vị quan Tam phẩm triều Nguyễn) là một ví dụ.

4. “Cung đình hóa” thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu

Với các việc làm như tu sửa, tôn tạo, đổi tên đền Ngọc Trản thành điện Huệ Nam và đưa nghi lễ cúng tế tại đây vào hàng đại tự của triều đình, vô hình trung đã biến đổi chất “dân gian” thành “bài bản”, “quy mô” và “quý phái hơn”. Hay nói cách khác, việc thờ Mẫu tại điện Huệ Nam không còn thuộc quản lý của người dân mà có sự tham gia, điều hành của triều đình, đứng đầu là vua Đồng Khánh. Những nghi thức cúng tế, các đồ tế tự tại Huệ Nam Điện được triều đình đưa vào áp dụng. “Ngôi điện trở thành cơ sở thờ tự mang tính chính thống đàn, điện, miếu thờ,... được triều đình phong kiến trung ương thừa nhận”²⁶.

Vào thời kỳ này, hoạt động thờ Mẫu ở Huế đã mang một màu sắc mới khi có sự tham gia của tầng lớp hoàng tộc. Màu sắc này vẫn còn lưu giữ cho đến ngày nay, khi hầu đồng từ Bắc truyền vào đây đã được biến đổi theo màu sắc “quý tộc” này. Do đó, hệ thống thần linh, các giá hầu đồng cùng những làn điệu hát văn cũng có sự thay đổi để phù hợp với sự tham gia của tầng lớp quan lại, quý tộc của đất kinh đô. Như vậy, người Huế đã có sự tiếp thu và điều chỉnh phù hợp với mục đích thực hành thờ Mẫu, không còn giống nguyên gốc như ở miền Bắc, điều này được thể hiện cụ thể qua

ngghi lễ lên đồng và nghệ thuật diễn xướng châu văn mang đặc trưng của xứ Huế.

Như vậy, Thánh Mẫu Thiên Y Na ở miền Trung, hay ở Huế nói riêng, không chỉ là vị thần tối thượng của riêng tín đồ thờ Mẫu, mà còn được tầng lớp quý tộc, quan lại tìm đến như chiếc phao cứu sinh qua cơn sóng dữ và “cũng chính từ những lớp người này, trong vai trò và địa vị của họ, khi đã toàn tâm toàn ý theo hầu Thánh Mẫu, họ muốn xây dựng tín ngưỡng của mình trở thành một tôn giáo, bằng cách sửa sang kinh sách, giáo lý; sáng tác, chỉnh lý văn châu, lễ nhạc,... và cùng với hoạt động thờ cúng Thánh Mẫu, là việc xây dựng am, cảnh, điện thờ...”²⁷. Nhưng quan trọng hơn, “những ức chế trong quần chúng về những điều cấm kỵ của nhà Nguyễn trước năm 1886 đối với hoạt động phù thủy, bùa chú trừ tà, chữa bệnh bằng phương pháp mê tín như dùng tàn nhang nước thả ... cho bệnh nhân, lại được dịp giải tỏa”²⁸.

Kết luận

Có thể nói, tín ngưỡng thờ Mẫu trên đất Huế xưa và ngày nay đã hòa lẫn và tạo nên một phần tính cách của văn hóa, người dân nơi đây được bắt đầu từ thời vua Đồng Khánh. Vua Đồng Khánh đã hạ mình trước sự oai linh của Đức Thiên Y A Na Thánh Mẫu và nhận mình là một chân mệnh của Thánh, mượn người phạm để hạ giới. Nói cách khác, sự lên ngôi của vua Đồng Khánh có sự ủng hộ và tán thành của thần linh chính là biện pháp thu phục nhân tâm, nhằm đảm bảo sự vững chắc “ngai vị” của mình. Chính niềm tin và sự lo lắng đã khiến vua Đồng Khánh thực hiện nhiều hoạt động “thánh sự” để tạ ơn Thánh Mẫu.

Trong bối cảnh mọi quyền hành đều rơi vào tay người Pháp và chỉ làm vua với tư cách: “bù nhìn”, nhận lương của Pháp thì vua Đồng Khánh dường như nhận ra rằng, mình chỉ là người “hữu danh vô thực”. Mặt khác, chính niềm tin vào Mẫu Thiên Y A Na được ông xem như là liều thuốc định thần và tăng thêm sức mạnh để đương đầu với thực trạng mất nước như bấy giờ. Chính những hành động, suy nghĩ của vua Đồng Khánh đối với Thánh Mẫu Thiên Y A

Na đã tạo nền tảng để tín ngưỡng thờ Mẫu tại vùng đất Huế thời ấy và nay có sự phát triển bền vững và để lại một dấu ấn văn hóa riêng trong tổng thể bức tranh tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguồn: <https://anhsontranduc.wordpress.com/2015/07/12/chan-dung-trang-phuc-cac-vua-trieu-nguyen-that-va-bia/>
- 2 Nguyễn Hữu Thông và Nhóm nghiên cứu biên soạn (2006), *Hải Cát - Đất và người*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 225.
- 3 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam Thực Lục*, bản dịch của Viện Sử học, tập 9, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 234.
- 4 Nguyễn Hữu Thông và Nhóm nghiên cứu biên soạn (2006), *Hải Cát - Đất và người*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 154.
- 5 Một thời gian dài ở Huế không có mưa, các quan lại đã đi cầu khẩn nhiều đền, miếu nhưng không có kết quả. Khi đến cầu đảo ở điện Huệ Nam thì hôm sau đã có mưa xuất hiện. Để ghi nhớ sự hiển linh tại điện Huệ Nam, nhà vua đã ban sắc phong thần.
- 6 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam Thực Lục*, bản dịch của Viện Sử học, tập 9, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 249.
- 7 Có thể đọc cách khác: Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Bảo Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Ngọc Trán Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Dực Bảo Trung Hưng Thượng đẳng thần.
- 8 Dực Bảo Trung Hưng (翊保中興) là huệ diệu chỉ bắt đầu xuất hiện từ thời vua Đồng Khánh năm thứ nhất. Vua cho rằng, vận nước đang suy sụp giữa chừng, nay được chấn hưng trở lại, cũng có công góp phần “hiệu linh 效靈” (dốc sức linh ứng) và “hiệu thuận 效順” (dốc sức thuận theo) của bách thần nên gia phong thần hiệu Dực Bảo Trung Hưng (Giúp đỡ bảo hộ công cuộc trung hưng).
- 9 Theo cách gọi dân gian, sáu vị quan lớn này chính là Quan Đệ Nhất Thượng Thiên, Quan Đệ Nhị Thượng Thiên, Quan Đệ Nhị Giám sát Thượng Ngàn, Quan Đệ Tam Giám sát Thượng Thiên, Quan Đệ Ngũ Tuần Tranh và Quan Đệ Tam Thủy Phủ.
- 10 Nguồn: <https://phanxipang.wordpress.com/2011/07/22/dong-bong-voi-dien-hon-chen/>
- 11 Dẫn theo: *Hải Cát - Đất và người* của Nguyễn Hữu Thông và Nhóm nghiên cứu biên soạn (2006), Sđd, tr. 156.
- 12 Thánh đường Thiên Tiên Thánh giáo chính là trụ sở của Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo, được xây dựng vào tháng 6 năm 1965.
- 13 Làng Hải Cát thuộc xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế.
- 14 Nguyễn Phước Bảo Đan (2016), “Làng Hải Cát: Những biểu hiện trong mối quan hệ với nữ thần Thiên Y A Na”, trong *Nghiên cứu văn hóa dân gian Thừa Thiên-Huế - 25 năm một hành trình (1991-2016)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 467-468.
- 15 Hà Xuân Liêm (2003), “Tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu ở điện Huệ Nam (điện Hòn Chén) Huế”, *Huế xưa và nay*, số 58, tr. 98-99.

- 16 Hội Sơn Nam là một tổ chức của những tín đồ thờ Mẫu ở Nam Định di cư vào Nam theo các cuộc di dân từ Bắc vào Nam. Khi đến vùng đất miền Trung, những người trong Hội đã hòa đồng với việc thờ cúng các vị thần địa phương và văn hóa tâm linh Chăm - Việt, hình thành nên một dòng tín ngưỡng mới, vừa mang dấu ấn “đất Bắc”, vừa mang dấu ấn văn hóa miền Trung. Sự hoạt động chính thức tại miền Trung là vào thời vua Bảo Đại ban chiếu vào ngày 09/01/1945. Sau này, Hội được đổi tên là Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo Trung Việt (19/9/1953), sau đó lại được đổi tên là Hội Thiên Tiên Thánh giáo Việt Nam (27/9/1974).
- 17 Nguyễn Hữu Thông và Nhóm nghiên cứu biên soạn (2006), *Hải Cát - Đất và người*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 218.
- 18 Bằng án là những chiếc thuyền rồng được trang trí các tượng thờ thần linh và Thánh Mẫu, đây được xem như một ngôi đền di động trên mặt nước.
- 19 Tôn Thất Bình (1997), *Huế - Lễ hội dân gian*, Hội Văn nghệ Thừa Thiên - Huế in, tr. 166.
- 20 Xem thêm: Trần Đại Vinh (1995), *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 126.
- 21 Nguyễn Hữu Thông (2017), “Chính sách an dân từ niềm tin mộ Phật dưới thời các chúa Nguyễn”, *Tập san Liễu Quán*, số 12, tr. 28.
- 22 Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 654.
- 23 Nguyễn Phước Bảo Đàn (2016), Làng Hải Cát: Những biểu hiện trong mối quan hệ với nữ thần Thiên Y A Na, trong *Nghiên cứu văn hóa dân gian Thừa Thiên-Huế - 25 năm một hành trình (1991-2016)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 465.
- 24 Tôn Thất Bình (1999), *Kể chuyện Chín chúa, Mười ba vua triều Nguyễn*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 115.
- 25 Hà Xuân Liêm (2003), “Tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu ở điện Huệ Nam (điện Hòn Chén) Huế”, *Huế xưa và nay*, số 58, tr. 97.
- 26 Nguyễn Hữu Thông và Nhóm nghiên cứu biên soạn (2006), *Hải Cát - Đất và người*, Sdd, tr. 219.
- 27 Nguyễn Phước Bảo Đàn, Tôn Nữ Khánh Trang (2015), Tín ngưỡng dân gian vùng Huế với vấn đề khai thác du lịch tâm linh (Nghiên cứu trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu), Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: *Vấn đề di sản tôn giáo miền Trung*, Huế, tr. 15.
- 28 Nguyễn Hữu Thông (2000), “Những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu và Chư vị ở Huế”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 42-43.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tôn Thất Bình (1997), *Huế - Lễ hội dân gian*, Hội Văn nghệ Thừa Thiên - Huế in, Huế.
2. Tôn Thất Bình (1999), *Kể chuyện Chín chúa - Mười ba vua triều Nguyễn*, Nxb. Đà Nẵng.
3. Đinh Thanh Hiếu (2018), “Định chế và mô thức sắc phong thần triều Nguyễn”, *Hán Nôm*, số 1, tr. 53-64.

4. Hà Xuân Liêm (2003), “Tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu ở điện Huệ Nam (điện Hòn Chén) Huế”, *Huế xưa và nay*, số 58, tr. 91-100.
5. Nhiều tác giả (2016), *Nghiên cứu văn hóa dân gian Thừa Thiên Huế - 25 năm một hành trình (1991 - 2016)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
6. Nguyễn Hữu Thông (2000), “Những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu và Chư vị ở Huế”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 36-43.
7. Nguyễn Hữu Thông và Nhóm nghiên cứu (2006), *Hải Cát - Đất và người*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
8. Nguyễn Hữu Thông (2017), “Chính sách an dân từ niềm tin mộ Phật dưới thời các chúa Nguyễn”, *Liễu Quán*, số 12, tr. 26-31.
9. Viện Nghiên cứu Tôn giáo & Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế (2015), *Vấn đề di sản tôn giáo miền Trung*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Huế.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam Thực Lục*, tập 9, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Viện Nghiên cứu Tôn giáo & Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội (2018), *Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Sóc Sơn.
13. Trần Đại Vinh (1995), *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

Abstract

ROLE OF ĐỒNG KHÁNH KING IN THE EXPANSION OF THE FOUR PALACES - WORSHIP OF MOTHER GODDESSES

Nguyen Huu Phuc

*The Secondary School of Phu Ho in Phu Vang Dist.,
Thua Thien-Hue Province*

The worship of Mother Goddesses has experienced many historical vicissitudes, it has been associated with many anecdotes and faith in the Mother Goddesses. Since being recognized by Đồng Khánh King through the royal order at Huệ Nam Palace, as well as the supports of aristocracy, officials, this folk belief has had a new feature. Since the reign of Đồng Khánh King, the worship of Mother Goddesses at the Huệ Nam Palace has lost its original folk purity and it became a royal ritual. In the process of developing the worship of Mother Goddesses in Huế, Đồng Khánh King played a great role, created a premise for Huế to become a center of Mother worship in the Centre of Vietnam.

Keywords: Đồng Khánh King; worship of Mother Goddesses; Huệ Nam Palace; Huế.